

Số: **1038** /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **21** tháng **4** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch
đầu tư phát triển năm 2020 của Công ty TNHH Một thành viên
Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh
doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

*Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu
tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh
nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về
công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về
thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 3440/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân
dân thành phố về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu
tư phát triển giai đoạn 2016-2020 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác
công trình thủy lợi Thủy Nguyên;*

*Căn cứ Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 của Ủy ban nhân
dân thành phố về việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu
tư phát triển giai đoạn 2016-2020 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác
công trình thủy lợi Thủy Nguyên;*

*Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 10/TTr-KHĐT ngày
27/3/2020 và Tờ trình số 16/TTr-KHĐT ngày 09/4/2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát
triển năm 2020 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi
Thủy Nguyên với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu.

- Thực hiện tốt công tác quản lý điều hành, khai thác hệ thống công trình
thủy lợi trên địa bàn huyện đảm bảo phục vụ nguồn nước có chất lượng tốt cho

sản xuất nông nghiệp; phát triển dịch vụ cung cấp nước thô cho sản xuất công nghiệp, xây dựng, cho sản xuất nước sạch và các ngành kinh tế khác trên địa bàn huyện và thành phố.

- Mở rộng và phát triển trong lĩnh vực xây dựng cơ bản nhằm tạo thêm việc làm cho người lao động, tăng doanh thu hoạt động kinh doanh; tranh thủ mọi nguồn vốn để cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi đáp ứng được yêu cầu phòng chống bão lụt, tưới tiêu và cấp nước;

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn nhà nước tại doanh nghiệp, hoàn thành tốt nghĩa vụ thu nộp ngân sách Nhà nước được thành phố giao; đảm bảo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu.

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu:		
1.1	Diện tích tưới, tiêu nông nghiệp	Ha	16.071
1.2	Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị (trừ vùng nội thị)	Ha	14.403
1.3	Cấp nước thô cho sinh hoạt và công nghiệp	m ³	16.000.000
1.4	Tiêu thoát nước khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các nhà máy.	Ha	739
2	Tổng doanh thu, trong đó:	Triệu đồng	43.964
2.1	Hoạt động dịch vụ thủy lợi	Triệu đồng	36.858
	- Dịch vụ công ích thủy lợi		22.033
	- Dịch vụ thủy lợi khác (nước thô)		14.825
2.2	Hoạt động XD CB, doanh thu khác	Triệu đồng	7.106
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	460
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	1.650
5	Tổng vốn đầu tư	Triệu đồng	32.834
6	Lao động	Người	252
7	Thu nhập bình quân (người/tháng)	Triệu đồng	7,4

b. Kế hoạch đầu tư phát triển.

Kế hoạch đầu tư phát triển với tổng kinh phí dự kiến là 32,834 tỷ đồng từ các nguồn vốn hợp pháp của Công ty:

- Nâng cấp, cải tạo trụ sở công ty (từ nguồn khấu hao tài sản cố định, nguồn thu khác): 7,901 tỷ đồng

- Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các công trình thủy lợi (từ nguồn hỗ trợ dịch vụ công ích thủy lợi, nguồn hỗ trợ sửa chữa TSCĐ, nguồn thu khác): 24,933 tỷ đồng

*(Chi tiết danh mục nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các công trình thủy lợi
tại Phụ lục kèm theo)*

3. Các giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch.

- Giải pháp về tài chính: Thực hiện đúng các quy định về quản lý tài chính doanh nghiệp; thực hiện tiết kiệm chi phí bằng việc ban hành các định mức; thúc đẩy doanh thu bằng việc ổn định nguồn ngân sách cấp cho công tác miễn thu thủy lợi phí, tăng nguồn thu từ nước thô cung cấp cho các nhà máy nước, tìm kiếm thêm công việc mà công ty có lợi thế như tham gia xây dựng công trình, tư vấn giám sát, thiết kế công trình...

- Giải pháp về sản xuất: Thực hiện sắp xếp mô hình sản xuất đảm bảo tinh gọn, chuyên sâu về chuyên môn.

- Giải pháp về nguồn nhân lực: Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng kỹ thuật cao, đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật: Thực hiện cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ mới để quản lý vận hành công trình, nghiên cứu cải tiến để vận hành công trình bằng máy móc thiết bị, hạn chế tối đa vận hành thủ công; Ứng dụng các công nghệ mới, các phương pháp tưới tiêu khoa học phù hợp với sự tăng trưởng và phát triển của cây trồng để tiết kiệm nguồn nước và chi phí tiền điện bơm nước.

- Giải pháp về quản lý và điều hành: Tăng cường công tác quản lý điều hành công ty, đặc biệt là công tác quản lý vận hành công trình tưới, tiêu phục vụ sản xuất đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, phù hợp với chuyên dịch cơ cấu cây trồng, cung cấp đủ nguồn nước, chất lượng nước cho sản xuất nước sạch phục vụ nhu cầu dân sinh kinh tế trên địa bàn huyện Thủy Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên tổ chức thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020 theo đúng quy định.

2. Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên theo chức năng, nhiệm vụ của mình hỗ trợ, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên; kịp thời xử lý

những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện; đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố những vấn đề vượt thẩm quyền.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên; Chủ tịch và Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên; Thủ trưởng các ngành liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP;
- Phòng NNTN&MT, TCNS;
- CV: TL, DN, TC, KHĐT, NN;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

Phụ lục: Danh mục sửa chữa các công trình thủy lợi
Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên.
(Kèm theo Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2020
của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Công trình, nguồn vốn	Nội dung cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình	Địa điểm	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
I	Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi (Nguồn hỗ trợ sửa chữa TSCĐ và nguồn thu khác)			13.850
1	Trạm bơm Trạm Xá	Nâng cấp trạm bơm, xây nhà quản lý	Xã Kỳ Sơn	800
2	Trạm bơm Cao Kênh	Xây nhà quản lý	Xã Hợp Thành	300
3	Trạm bơm Chợ Thụ	Nâng cấp trạm bơm, xây nhà quản lý, xây kênh tưới sau trạm bơm	Xã Lưu Kiếm	1.000
4	Trạm bơm Bến Cả	Nâng cấp trạm bơm, xây nhà quản lý	Xã Lưu Kiếm	800
5	Trạm bơm Kênh Nhang	Cải tạo trạm bơm	Xã Lưu Kiếm	300
6	Trạm bơm Thủy Tinh	Cải tạo trạm bơm	Xã Lưu Kiếm	300
7	Kênh Đầm Ba Xã	Nâng cấp Công điều tiết 1-5	Xã Phục Lễ	1.800
8	Kênh Phán Đạt	Nâng cấp công điều tiết My Sơn	Xa Ngũ Lão	4.000
9	Kênh Diệu Tú	Nâng cấp công Ba Đồng	Xã Lưu Kỳ	500
10	Kênh Đầm Dài	Nâng cấp công Vánh	Xã An Lư	1.300
11	Kênh Miếu Trọ	Nâng cấp công ông Lễ	Xã Hợp Thành	300
12	Trạm bơm Ba Dân	Xây nhà quản lý	Xã Trung Hà	300
13	Kênh cấp 1 sau trạm bơm Thành Tre	Xây lại kênh tưới từ sau NM nước - Chùa Trung Sơn	Xã Ngũ Lão	500
14	Kênh cấp 1 sau trạm bơm Bãi Cát	Xây lại kênh tưới từ trạm bơm đến hết tuyến	Xã Quảng Thanh	400
15	Kênh cấp 1 sau trạm bơm Phù Yên	Xây lại kênh tưới từ trạm bơm đến hết tuyến	Xã Lại Xuân	250
16	Kênh cấp 1 sau trạm bơm Đồng Lau	Xây lại kênh tưới từ trạm bơm theo đường vào làng	Xã Kỳ Sơn	150
17	Kênh Tưới cấp 1 trạm bơm Hà Luận	Xây lại kênh tưới từ cửa trường học đến cầu Hà Phú	Xã Hòa Bình	400

STT	Công trình, nguồn vốn	Nội dung cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình	Địa điểm	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
18	Kênh tưới trạm bơm Quảng Cư	Xây lại kênh tưới từ Trạm bơm Quảng Cư đến xóm Vối	Xã Quảng Thanh	450
II	Duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi (Nguồn kinh phí hỗ trợ dịch vụ công ích thủy lợi, nguồn hỗ trợ sửa chữa TSCĐ và nguồn thu khác)			8.583
1	Công trình thủy lợi kênh Đầm Dài	Nạo vét, nâng cấp công trình thủy lợi kênh Đầm Dài	Xã An Lư	1.043
2	Công trình thủy lợi kênh Cửa Đình	Nạo vét, nâng cấp công trình thủy lợi kênh Cửa Đình	Xã Hoàng Động	840
3	Kênh Thiên Lâm	Nạo vét và đắp bờ kênh từ cống Hồ Yên đến cống Lâm	Xã Lâm Động	350
4	Các kênh trục chính	Cắm mốc giới bảo vệ công trình Hồ Sông Giá và một số kênh khác	Huyện Thủy Nguyên	500
5	Kênh My Sơn - Cống Khánh	Nạo vét và đắp bờ từ cống My Sơn đến cầu Đường Ngang	Xã Ngũ Lão	500
6	Kênh Ngăn mặn	Nạo vét và đắp bờ từ cống Cả đến nhà Ông Dĩ	Xã Lập Lễ	600
7	Kênh Lôi Động	Nạo vét và đắp bờ từ Cửa trường học - Nhà máy nước	Xã Hoàng Động	300
8	Kênh Hai Giáp	Nạo vét, đắp bờ từ cống Hai Giáp đến cống Bảo Vệ	Xã Minh Tân	300
9	Kênh Đầm Thuyền	Nạo vét và đắp bờ từ kênh Đầm Dài đến hồ Đầm Thuyền	Xã Thủy Đường	500
10	Kênh Hoàn Trả	Nạo vét và đắp bờ từ cống Cây Đa đến kênh Đầm Dài	Xã An Lư	500
11	Kênh xóm 8	Nạo vét và đắp bờ từ Đình Trung Hà đến cầu Xóm 7	Xã Thủy Triều	300
12	Kênh sau Cống Đông	Nạo vét và đắp bờ từ cống Đông đến cống qua đường	Xã Hợp Thành	300
14	Kênh hút trạm bơm Hợp Thành	Nạo vét và đắp bờ từ trạm bơm đến Kênh Hòn Ngọc	Xã Hợp Thành	250
15	Kênh hút Trạm bơm Cổ Tân	Nạo vét và đắp bờ từ trạm bơm Cổ Tân đến kênh Hòn Ngọc	Xã Quảng Thanh	100
16	Kênh Thủy Triều	Nạo vét và đắp bờ đoạn từ cống Đồng Dáy 1 đến cống Đồng Dáy 2	Xã Thủy Triều	700

STT	Công trình, nguồn vốn	Nội dung cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình	Địa điểm	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
17	Các trạm bơm điện	Duy tu, sửa chữa các Trạm bơm tiếp nhận quản lý theo Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của UBND thành phố	Huyện Thủy Nguyên	1.500
III	Sửa chữa đột xuất công trình thủy lợi (Nguồn kinh phí hỗ trợ dịch vụ công ích thủy lợi và nguồn thu khác)		Huyện Thủy Nguyên	2.500
	Công trình thủy lợi	Sửa chữa sự cố đột xuất, cấp bách trên toàn hệ thống thủy lợi, vớt bèo rác vệ sinh kênh mương		
	Tổng cộng: (I+II+III)			24.933

